TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 101/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lanh.**
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Nguyễn Văn Triều.**
+ Ông **Nguyễn Văn Móm Em**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Quyên -** Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018, về tranh chấp *"ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị H** – sinh năm: 1970 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Bùi Văn G** - sinh năm: 1971 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Thông Lưu, xã Thanh Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/8/2018 tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trương Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn G do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Sau ngày cưới chị và anh G sống chung gia đình cha mẹ cH. Thời gian vợ cH chung sống hạnh phúc được 24 năm đến tháng 4 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ cH không hợp thường hay cự cải, hiện nay vợ cH chị vẫn còn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm ai, cuộc sống vợ cH không hạnh phúc.

Nay chị cảm thấy tình cảm vợ cH không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Văn G.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Bùi Thị Kim N, sinh ngày 20/12/1994, Bùi Thị Mỹ L, sinh ngày 25/3/1996 và Bùi Minh K, sinh ngày 01/8/1999. Cháu N, cháu L và cháu K đã thành niên nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ cH: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Bùi Văn G trình bày:

Về mối quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị H anh bổ sung thêm mâu thuẫn vợ cH do chị H có quan hệ với người đàn ông khác bên ngoài nên dẫn đến vợ cH không hạnh phúc. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị Trương Thị H.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Bùi Thị Kim N, sinh ngày 20/12/1994, Bùi Thị Mỹ L, sinh ngày 25/3/1996 và Bùi Minh K, sinh ngày 01/8/1999. Cháu N, cháu L và cháu K đã thành niên nên anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh G Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ cH: Anh G Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn chị Trương Thị H đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 06/8/2018, Văn bản về việc xác nhận kết quả yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch; giấy khai sinh (bản sao); sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân (bản sao); Dịch vụ chuyển phát nhanh.

Bị đơn anh Bùi Văn G trong quá trình giải quyết vụ án thì anh G không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nGên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trương Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh Bùi Văn G. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị H và anh Bùi Văn G là quan hệ hôn nhân không hợp pháp do chị H và anh G không có đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc được 24 năm đến tháng 4 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày là do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ cH không hợp thường hay cự cải, hiện nay vợ

cH chị vẫn còn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm ai, cuộc sống vợ cH không hạnh phúc nên chị H yêu cầu ly hôn với anh G. Tại phiên tòa hôm nay anh G cũng thừa nhận trong quá trình chung sống thì vợ cH có phát sinh mâu thuẫn do chị H có quan hệ với người đàn ông khác bên ngoài. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa chị H và anh G không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do chị H và anh G không đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý không công nhận chị H và anh G là vợ cH hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 03 con chung tên Bùi Thị Kim N, sinh ngày 20/12/1994, Bùi Thị Mỹ L, sinh ngày 25/3/1996 và Bùi Minh K, sinh ngày 01/8/1999. Cháu N, cháu L và cháu K đã thành niên, chị H và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị H và anh Bùi Văn G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Trương Thị H và anh Bùi Văn G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị H phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trương Thị H và anh Bùi Văn G là vợ cH.

Về con chung: Có 03 con chung tên Bùi Thị Kim N, sinh ngày 20/12/1994, Bùi Thị Mỹ L, sinh ngày 25/3/1996 và Bùi Minh K, sinh ngày 01/8/1999. Cháu Bùi Thị Kim N, cháu Bùi Thị Mỹ L và cháu Bùi Minh K đã thành niên, chị Trương Thị H và anh Bùi Văn G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị H và anh Bùi Văn G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Trương Thị H và anh Bùi Văn G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Trương Thị H đã nộp theo biên lai thu số N^{0} 0009162, ngày 09/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Trương Thị H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Thanh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh